

Bản án số: **398/2021/HS-ST**.

Ngày 21 - 10 - 2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh.

Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh N tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 454/2021/TLST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 434/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2021; Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số: 459/TB-TA ngày 06/10/2021 đối với bị cáo: **Lương Đức H**, sinh năm 1994 (có đơn xin xét xử vắng mặt), tại Hà Tĩnh; Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã G, huyện X, tỉnh T; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam, con ông Lương Đức B, sinh năm 1950 (đã chết) và bà Phạm Thị X, sinh năm 1962; chưa có vợ, con.

Tiền án: Năm 2013 bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh A xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” theo bản án số: 200/2013/HSST ngày 12/6/2013.

Tiền sự: không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 26/5/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B.

- Bị hại: Công ty cổ phần nhựa N (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu công nghiệp H 1, phường A, thành phố B, tỉnh N.

Đại diện theo pháp luật ông **Nguyễn Văn P** – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Chị **Lương Thị Hg**, sinh năm 1987 – Trưởng phòng hành chính tổng hợp. (Văn bản ủy quyền ngày 24/5/2021).

Địa chỉ: khu dân cư An Bình, thành phố B, tỉnh N.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh **Phan Đức L**, sinh năm 1985 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Ấp 3, xã Sông Day, huyện M, tỉnh N.

Địa chỉ liên hệ: A1 đường Vũ Hồng Phô, phường A, thành phố B, tỉnh N.

2/ Anh **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1987 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 139 Nguyễn Thái Học, khu phố 4, phường D, thành phố B, tỉnh

N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 23/5/2021, Lương Đức H đi bộ đột nhập vào Công ty cổ phần nhựa N tại đường số 3, khu công nghiệp H 1, phường A, thành phố B để trộm cắp 02 bộ máy tính nhãn hiệu DELL inspiron đang để trên bàn thuộc kho số 4 của Công ty rồi đem về phòng trọ của Võ Văn Đ, sinh năm 1991, tại tổ 9, khu phố 5, phường A, thành phố B, tỉnh N cất giấu. Đến ngày hôm sau H mang 01 bộ máy vi tính bán cho anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1987, trú tại 139, Nguyễn Thái Học, khu phố 4, phường D, thành phố B được 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) và 01 bộ máy tính bán cho anh Phan Đức L, sinh năm 1985, trú tại ấp 3, xã Sông Ray, huyện M, tỉnh N được 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), số tiền bán được H đã tiêu xài cá nhân hết. Sau khi bị mất tài sản Công ty cổ phần nhựa N tại khu công nghiệp H 1 đã trích xuất hình ảnh Camera và biết H đã trộm cắp tài sản của Công ty nên đã trình báo sự việc lên Đoàn Công an khu công nghiệp H để lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xử lý theo quy định.

Vật chứng của vụ án:

- 02 bộ máy tính nhãn hiệu DELL inspiron Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu hồi trả lại cho chị Lương Thị Hg là người đại diện cho Công ty nhận lại tài sản.

- Tại bản kết luận định giá tài sản số: 244/KL-HĐĐGTS ngày 25/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản thành phố B kết luận đối với 02 bộ máy tính nhãn hiệu DELL inspiron có tổng giá trị là 10.654.546 đồng (mười triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm bốn mươi sáu đồng).

Về dân sự:

- Chị Lương Thị Hg đại diện Công ty cổ phần nhựa N đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường.

- Anh Nguyễn Minh T yêu cầu H bồi thường 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

- Anh Phan Đức L yêu cầu H bồi thường 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Hiện H vẫn chưa bồi thường.

Bản cáo trạng số: 461/CT-VKSBH ngày 06/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo Lương Đức H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm

2015 xử phạt bị cáo Lương Đức H từ 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự:

- Chị Lương Thị Hg đại diện Công ty cổ phần nhựa N đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường.

- Anh Nguyễn Minh T yêu cầu bị cáo H bồi thường 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

- Anh Phan Đức L yêu cầu bị cáo H bồi thường 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Hiện H vẫn chưa bồi thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 09/10/2021 bị cáo Lương Đức H có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt bị cáo Lương Đức H theo quy định tại Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Ngày 06/10/2021 anh Phan Đức L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt anh Phan Đức L theo quy định tại Điều 292 Bộ luật hình sự năm 2015.

Ngày 06/10/2021 anh Nguyễn Minh T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt anh Nguyễn Minh T theo quy định tại Điều 292 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Xét lời khai của bị cáo phù hợp với các lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng, các chứng cứ khác có tại hồ sơ và cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố. Từ đó đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 23 giờ ngày 23/5/2021, bị cáo Lương Đức H đã có hành vi trộm cắp của Công ty cổ phần nhựa N tại đường số 3, khu công nghiệp H 1, phường A, thành phố B 02 bộ máy tính nhãn hiệu DELL inspiron thì bị phát hiện xử lý theo quy định.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 244/KL-HĐĐGTS ngày 25/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản thành phố B kết luận đối với 02 bộ máy tính nhãn hiệu DELL inspiron có tổng giá trị là 10.654.546 đồng (mười triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm bốn mươi sáu đồng).

Hành vi của bị cáo Lương Đức H đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố là có căn cứ.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương nên cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội, quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị hại đại diện Công ty cổ phần nhựa N đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Anh Nguyễn Minh T yêu cầu bị cáo Lương Đức H bồi thường 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Buộc bị cáo Lương Đức H bồi thường cho anh Nguyễn Minh T số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

- Anh Phan Đức L yêu cầu bị cáo Lương Đức H bồi thường 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Buộc bị cáo Lương Đức H bồi thường cho anh Phan Đức L 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

[7] Đối với Võ Văn Đ, khi bị cáo Lương Đức H trộm cắp tài sản mang về phòng Võ Văn Đ cất giấu nhưng Đ không biết tài sản trên là do bị cáo H trộm cắp mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B không xử lý Võ Văn Đ là đúng quy định.

[8] Đối với anh Nguyễn Minh T và Phan Đức L khi mua tài sản bị cáo Lương Đức H bán không biết tài sản do bị cáo H trộm cắp được mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B không xử lý là đúng quy định.

[9] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Lương Đức H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lương Đức H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lương Đức H 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù

tính từ ngày 26/5/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Lương Đức H bồi thường cho anh Nguyễn Minh T số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Buộc bị cáo Lương Đức H bồi thường cho anh Phan Đức L 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Lương Đức H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh N (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh N (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. H (2);
- Nhà tạm giữ Công an TP. H (1);
- Thi hành án hình sự (6);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (1);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Dung